

An Sinh, ngày 28 tháng 09 năm 2024

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024- 2025**

Căn cứ kế hoạch Số: 193 /CTGD-MNASA ngày 22/8/2024 (Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025) của trường Mầm non An Sinh A;

Căn cứ đánh giá hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục Mầm non của từng trẻ trong nhóm lớp năm học 2023 - 2024;

Căn cứ vào nhu cầu của trẻ, khả năng của giáo viên, điều kiện thực tế của nhà trường, của lớp học;

Căn cứ vào tình hình đặc điểm của địa phương;

Nhóm trẻ 2TD1 xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC.

1. Mục tiêu, nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nhà trẻ 24 - 36 tháng tuổi.

1.1. Nuôi dưỡng chăm sóc sức khỏe.

TT	Mã hóa	Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
1	MT1	- Trẻ được ăn hai bữa chính và một bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định. - Trẻ được ăn theo thực đơn, phù hợp với lứa tuổi, nguồn thực phẩm	Chế độ ăn: Cơm nát, cơm thường, + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng

		của địa phương và được thay đổi không trùng lặp.	khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.
2	MT2	Trẻ được Ngủ 1 giấc ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ 150 phút
3	MT3	Trẻ biết vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường	- Vệ sinh cá nhân: Rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
4	MT4	- Trẻ biết phòng tránh các bệnh thường gặp. - Trẻ được theo dõi tiêm chủng. - Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: Cúm mùa, đau mắt đỏ, tay chân miệng,... - Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp: Ngã, đi lạc, hóc, sặc...
5	MT5	Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A + Trẻ trai: cân nặng từ 11,3 đến 18,3 kg, chiều cao từ 88,7cm đến 103,65 cm. + Trẻ gái: cân nặng từ 10,8 đến 18,1kg, chiều cao từ 88,7cm đến 102,7cm	- Khám sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm: Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe cho trẻ đầu và cuối năm học. - Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ: + Cân, đo mỗi quý 1 lần vào tháng 9, 12, 3. Cân và theo dõi hàng tháng trẻ bị suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì.

1.2 Giáo dục

STT	Mã hóa	Mục tiêu	Nội dung
		Lĩnh vực phát triển thể chất	
		Phát triển vận động	
		<i>- Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.</i>	
6	MT6	Tập các động tác theo hiệu lệnh. Trẻ thực hiện các động tác hít thở, tay, lưng, bụng, chân.	- Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân trong bài tập thể dục sáng và bài tập phát triển chung trong giờ hoạt động phát triển thể chất.
		<i>- Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.</i>	
7	MT7	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đi theo hiệu lệnh. - Đi trong đường hẹp. - Đi có mang vật trên tay. - Chạy theo hiệu lệnh - Chạy theo hướng thẳng, - Đứng co 1 chân.
8	MT8	Thực hiện phối hợp vận động tay- mắt: tung- bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m;	- Tung bóng bằng hai tay. - Tung bắt bóng cùng cô. - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bóng qua dây.
9	MT9	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Bò theo hướng thẳng. - Bò trong đường hẹp. - Bò có mang vật trên lưng. - Bò trong đường ngoằn ngoèo. - Bò chui qua cổng. - Bò qua vật cản.

10	MT10	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)	- Bật tại chỗ. - Bật qua vạch kẻ. - <i>Bật xa bằng hai chân.</i> - Ném bóng (túi cát) về đích xa 1- 1,2m. - Ném bóng (túi cát) về phía trước
		<i>- Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay</i>	
11	MT11	Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”	Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “múa khéo”, xoa tay, chạm các đầu ngón tay vào nhau.
12	MT12	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn: vẽ tổ chim: xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Múa - Rót nước, nhào đất nặn - Tập xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ - Nhón nhặt đồ vật - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6- 8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ
		Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
		<i>- Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</i>	
13	MT13	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống.
14	MT14	Biết tên một số món ăn hàng ngày.	Biết một số thức ăn quen thuộc: cơm, cháo, canh...
15	MT15	Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	Biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.
16	MT16	Ngủ một giấc buổi trưa.	- Ngủ một giấc trưa
17	MT17	Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.
		<i>- Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</i>	
18	MT18	Làm được một số việc dưới sự giúp đỡ của người lớn. (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Làm được một số việc dưới sự giúp đỡ của người lớn: tự xúc cơm ăn, đi dép, lấy nước uống, đi vệ sinh...

19	MT19	Trẻ biết ngồi bô, biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	- Luyện tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.
20	MT20	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Ngồi vào bàn ăn; cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước)	- Tập tự ngồi vào bàn ăn - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh
21	MT21	Chấp nhận: Đội mũ khi ra ngoài nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	Tập các thao tác: Đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
		<i>- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</i>	
22	MT22	Nhận biết và tránh một số vật dụng nguy, nơi nguy hiểm (như bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng nước) khi được nhắc nhở.	Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm: bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng,... khi được nhắc nhở.
23	MT23	Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	Biết và tránh một số hành động nguy hiểm: leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,... khi được nhắc nhở.
		Lĩnh vực phát triển nhận thức	
		<i>- Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan</i>	
24	MT24	Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm trơn, nhẵn hay xù xì.

			- Ném vị một số món ăn, quả (chua, mặn, ngọt).
		<i>- Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, lời nói</i>	
25	MT25	Biết bắt trước những hành động của những người gần gũi, biết sử dụng một số đồ dùng quen thuộc.	Chơi bắt trước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
26	MT26	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Nói được tên, đặc điểm bên ngoài của bản thân, đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm, lớp. - Nói được tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Nói được tên cô giáo và các bạn, nhóm/lớp khi được hỏi.
27	MT27	Nói được tên và chức năng một số bộ phận của cơ thể khi được hỏi.	- Trẻ nói được tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
28	MT28	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	Nói được tên, đặc điểm nổi bật công dụng, và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc. Nói được tên, đặc điểm nổi bật của con vật, rau hoa quả quen thuộc.
29	MT29	Chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	Chỉ, nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ, vàng, xanh theo yêu cầu.
30	MT30	Nhận biết hình tròn, hình vuông.	- Chỉ, nói tên được hình tròn, hình vuông.
31	MT31	Chỉ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to- nhỏ theo yêu cầu.	Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. Chỉ hoặc lấy hoặc phân loại các đồ vật có hình dạng giống nhau .

32	MT32	Nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Nói được tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
33	MT33	Xác định được số lượng, vị trí không gian.	- Xác định được vị trí trước sau, trên dưới so với bản thân trẻ. - Biết số lượng một và nhiều.
		Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
		<i>- Nghe hiểu lời nói</i>	
34	MT34	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay	Nghe và thực hiện được yêu cầu gồm 2-3 hành động. ví dụ: cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.
35	MT35	Trẻ trả lời câu hỏi: “Ai đây” “Cái gì đây?”; “Làm gì ?”; “ thế nào ?” Ví dụ: Con gà gáy thế nào?	- Nghe và trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”; “Làm gì?” ; “ Thế nào?” (ví dụ: Con gà gáy thế nào?...)
36	MT36	Hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của các nhân vật.	Lắng nghe và trả lời các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động các nhân vật trong truyện.
		<i>- Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu</i>	
37	MT37	Phát âm rõ âm khó trong các chủ đề. Phát âm rõ tiếng.	Nói rõ các âm x/s; ch/ tr Nói rõ các tiếng, ví dụ như trường mầm non, Lớp măng non, nhút nhát,...
38	MT38	Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	Nghe, đọc các bài thơ, đoạn thơ ngắn phù hợp với độ tuổi
		<i>- Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp</i>	

39	MT39	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc	Nói được câu đơn, câu có 5- 7 tiếng thể hiện hiểu biết về sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.
40	MT40	Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây, cái gì đây,...	Trẻ biết - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây, cái gì đây,...
41	MT41	Nói to, đủ nghe, lễ phép.	Nói to, rõ ràng, sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói truyện với người lớn.
		<i>- Làm quen với sách</i>	
42	MT42	Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách.
43	MT43	Mở sách xem và gọi tên các sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.	Trẻ lật lần lượt từng trang sách, xem tranh, gọi tên, các con vật nhân vật trong tranh. Trẻ lắng nghe người lớn đọc sách.
		Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mĩ	
		<i>Phát triển tình cảm</i>	
44	MT44	Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)	- Nhận biết tên tuổi của mình, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
45	MT45	Thể hiện điều mình thích và không thích	Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
46	MT46	Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản.	- Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
47	MT47	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	Giao tiếp với mọi người xung quanh. Chơi thân thiện với bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.

48	MT48	Nhận biết, biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận.
49	MT49	Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Trẻ quan tâm đến con vật nuôi.
50	MT50	Trẻ biết nhường nhịn em bé và biết chơi đoàn kết cùng với bạn.	- Nhường đồ chơi cho em bé hơn. - Không tranh dành đồ chơi của bạn.
		<i>Phát triển kỹ năng xã hội</i>	
51	MT51	Trẻ biết giao tiếp với mọi người xung quanh.	- Biết giao tiếp , xưng hô với cô, với bạn, với người thân.
52	MT52	Trẻ biết chơi thân thiện với bạn bè.	- Chơi cùng bạn. - Chơi cùng nhóm bạn. - chơi cạnh bạn, không cầu bạn...
53	MT53	Trẻ biết sử dụng đồ dùng đồ chơi trong lớp.	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong lớp.
54	MT54	Trẻ biết thể hiện sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi.	- Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi. - Quan tâm đến các vật nuôi.
55	MT55	Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn. Chơi cạnh bạn không cầu bạn.	Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ ,vâng ạ.
56	MT56	Trẻ biết xin lỗi, cảm ơn.	- Xin lỗi khi mình có lỗi. - Cảm ơn khi được bạn nhường nhịn, người khác giúp đỡ.
57	MT57	Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em bé, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	Trẻ tập làm, thể hiện, nhập vai để tham gia chơi trong hoạt động chơi ở các khu vực chơi.

		<i>Phát triển cảm xúc thẩm mỹ</i>	
58	MT58	Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc..	Nghe hát, nghe nhạc với các giai đoạn khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
59	MT59	Trẻ biết nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ.	- Nghe hát, nghe nhạc với giai điệu khác nhau; Nghe âm thanh của các nhạc cụ. - <i>Nghe nhạc dân tộc, nhạc nước ngoài</i>
60	MT60	Trẻ biết vận động đơn giản theo nhạc.	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
61	MT61	Trẻ biết tô màu, vẽ, nặn, xé xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. Xem tranh
62	MT62	Trẻ thích xem tranh ảnh.	- Xem tranh ảnh theo chủ đề

***Dự kiến chủ đề, thời gian thực hiện.**

TT	Tên chủ đề	Thời gian thực hiện		Các sự kiện trong năm
		Thời lượng	Thời gian	
	Rèn nề nếp		Từ 05/9/2024 đến 6/9/2024	
1	Bé và các bạn	4 tuần	Từ 05/9/2024 - 04/10/2024	Tết trung thu
2	Mẹ và những người thân yêu của bé	4 tuần	Từ 07/10/2024 - 01/11/2024	Ngày phụ nữ Việt Nam
3	Các cô các bác trong nhà trẻ	3 tuần	Từ 3 04/11/2024 - 22/11/2024	Ngày nhà giáo Việt Nam
4	Đồ chơi của bé	4 tuần	Từ 25/11/2024 - 20/12/2024	
5	Những con vật đáng yêu	4 tuần	Từ 23/12/2024 - 17/01/2025	Ngày 22/12
NGHỈ TẾT NGUYỄN ĐÁN				
Từ ngày 27/01/2025 đến hết ngày 08/02/2025 (tức 28 tháng chạp đến 11 tháng giêng âm lịch).				
6	Tết và mùa xuân.	2 tuần	Từ 20/01/2025 - 14/02/2025	Tết nguyên đán
7	Cây và những bông hoa đẹp.	4 tuần	Từ 17/02/2025 - 14/03/2025	Ngày 8/3
8	Bé đi khắp nơi bằng phương tiện gì?	4 tuần	Từ 17/03/2025 - 11/04/2025	
9	Mùa hè đến rồi.	3 tuần	Từ 14/04/2025 - 02/05/2025	Ngày 30/4 và 1/5
10	Bé lên mẫu giáo.	3 tuần	Từ 05/05/2025 - 23/05/2025	Ngày sinh nhật Bác 19/5
Tổng		35		

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

STT	TÊN CHỦ ĐỀ LỚN	TÊN CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Bé và các bạn 4 tuần Từ ngày: 09/09/2024 - 04/10/2024	Lớp học của bé.	Từ 05/09 - 13/09/2024	Tuần 1
		Bé vui tết trung thu.	Từ 16/09 - 20/09/2024	Tuần 2
		Bé và các bạn cùng chơi.	Từ 23/09 - 27/09/2024	Tuần 3
		Bé biết nhiều thứ.	Từ 30/09 - 04/10/2024	Tuần 4
2	Bé và những người thân yêu của bé 4 tuần Từ ngày: 07/10/2024 – 01/11/2024	Bé và những người thân yêu của bé.	Từ 07/10 - 11/10/2024	Tuần 5
		Ngày hội của các bà, các mẹ.	Từ 14/10 - 18/10/2024	Tuần 6
		Bố mẹ của bé.	Từ 21/10 - 25/10/2024	Tuần 7
		Ngôi nhà thân yêu của bé.	Từ 28/10 - 01/11/2024	Tuần 8
3	Các cô, bác trong trường mầm non của bé 3 tuần Từ ngày 04/11/2024 – 22/11/2024	Cô giáo của bé.	Từ 04/11 - 08/11/2024	Tuần 9
		Các cô bác cấp dưỡng trong trường mầm non của bé.	Từ 11/11 - 15/11/2024	Tuần 10
		Ngày hội của các cô giáo (20-11).	Từ 18/11 - 22/11/2024	Tuần 11
4	Đồ chơi của bé. 4 tuần Từ ngày 25/11/2024 – 20/12/2024	Đồ chơi yêu thích của bé.	Từ 25/11- 29/11/2024	Tuần 12
		Đồ dùng đồ chơi gia đình.	Từ 02/12 - 06/12/2024	Tuần 13

		Đồ dùng đồ chơi ăn uống.	Từ 09/12 - 13/12/2024	Tuần 14
		Đồ chơi có thể chuyển động được.	Từ 16/12 - 20/12/2024	Tuần 15
5	Những con vật bé yêu. 4 tuần Từ ngày 23/12/2024 – 17/01/2025	Những con vật nuôi trong gia đình (2 chân, đẻ trứng).	Từ 23/12 - 27/12/2024	Tuần 16
		Những con vật nuôi trong gia đình (4 chân, đẻ con).	Từ 30/12 - 03/01/01/2025	Tuần 17
		Những con vật sống trong rừng .	Từ 06/01 - 10/01/2025	Tuần 18
		Những con vật sống dưới nước.	Từ 13/01 - 17/01/2025	Tuần 19
6	Tết và mùa xuân 2 tuần Từ ngày 20/01/2025 – 14/02/2025	Bé mong đón tết.	Từ 20/01 - 24/01/2025	Tuần 20
		<i>Nghỉ tết Nguyên đán từ ngày 27/01/2025 đến hết ngày 08/02/2025</i>		
		Mùa xuân và lễ hội quê bé.	Từ 10/02 – 14/02/2025	Tuần 21
7	Bé yêu cây và những bông hoa đẹp 4 tuần Từ ngày 17/02/2025– 14/03/2025	Vườn rau của bé.	Từ 17/02 - 21/02/2025	Tuần 22
		Những bông hoa đẹp.	Từ 24/02 - 28/02/2025	Tuần 23
		Các loại quả bé thích.	Từ 03/03 - 07/03/2025	Tuần 24
		Em yêu cây xanh.	Từ 10/03 – 14/03/2025	Tuần 25
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng những phương tiện gì? 4 tuần Từ ngày 17/03/2025 – 11/04/2025	Phương tiện giao thông đường bộ.	Từ 17/03 - 21/03/2025	Tuần 26
		Phương tiện giao thông đường sắt.	Từ 24/03 - 28/03/2025	Tuần 27
		Phương tiện giao thông đường hàng không.	Từ 31/03 - 04/04/2025	Tuần 28

		Phương tiện giao thông đường thủy.	Từ 07/04 - 11/04/2025	Tuần 29
9	Mùa hè đến 3 tuần Từ ngày 14/04/2025 - 02/05/2025	Thời tiết mùa hè.	Từ 14/04 - 18/04/2025	Tuần 30
		Quần áo và trang phục mùa hè.	Từ 21/04 - 24/04/2025	Tuần 31
		Bé làm được gì trong mùa hè.	Từ 28/04 - 02/05/2025	Tuần 32
10	Bé lên mẫu giáo 3 tuần Từ ngày 05/05/2025 - 23/05/2025	Lớp học của bé.	Từ 05/05 - 09/05/2025	Tuần 33
		Các hoạt động hàng ngày của bé ở lớp.	Từ 12/05 - 16/05/2025	Tuần 34
		Bé lên mẫu giáo.	Từ 19/05 - 23/05/2025	Tuần 35

II. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch (Có phiếu kèm theo)

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học của lớp mẫu giáo 2 tuổi D1 năm học 2024 - 2025. Đề nghị Ban giám hiệu nhà trường xét duyệt và cho ý kiến chỉ đạo thực hiện.

NGƯỜI THỰC HIỆN

Thê Thương

Dương Thị Thê Nguyễn Thị Thương

XÁC NHẬN TỔ CHUYÊN MÔN

Thủy

Lê Thị Thủy

XÁC NHẬN CỦA BAN GIÁM HIỆU



Hương

Lê Thị Mai Hương